

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường
Năm: 2019

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường
- Tên tiếng anh: Song da cao cuong Joint Stock Company
- Mã chứng khoán: SCL
- Vốn điều lệ: 138.899.730.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 138.899.730.000 đồng
- Địa chỉ: Km28+100m, Quốc lộ 18, phường Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương.
- Số điện thoại: 02203.580.414
- Website: ww.songdacaocuong.vn

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường (Công ty) thành lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0800376530 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 17 tháng 4 năm 2007, thay đổi lần thứ 13 vào ngày 01/3/2019, hiện nay vốn điều lệ là 138.899.730.000 đồng (Một trăm ba mươi tám tỷ, tám trăm chín mươi chín triệu, bảy trăm ba mươi nghìn đồng) gồm có các cổ đông chính là: Công ty cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Cao Cường, ông Kiều Văn Mát, bà Kiều Thị Nhung, .;

Công ty thực hiện niêm yết cổ phần tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 15/09/2010. Số lượng cổ phiếu niêm yết ban đầu là 9.000.000 cp; hiện nay là 13.889.973 CP; mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

- Công ty là đơn vị đầu tiên tại Việt Nam nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, lắp đặt, hướng dẫn vận hành, chạy thử, đào tạo và chuyển giao công nghệ dây chuyền sản xuất tro bay từ tro xỉ phế thải của Nhà máy nhiệt điện Phả Lại, bằng công nghệ tuyển ướt và sấy khô đồng bộ, hiện đại, đảm bảo năng suất, chất lượng, hiệu quả cao và bảo vệ môi trường (công nghệ đã đạt giải nhất Giải thưởng Sáng tạo Khoa học- Công nghệ Việt Nam năm 2008).

- Năm 2011 Công ty đầu tư xây dựng thành công và đi vào hoạt động Dự án nhà máy sản xuất gạch nhẹ chung áp công suất 200.000 m³/năm, đây là một trong những nhà máy lớn tại Việt Nam đi đầu trong lĩnh vực sản xuất gạch bê tông nhẹ thay thế gạch xây sản xuất bằng phương pháp nung đốt truyền thống, thuận theo quy hoạch của Nhà nước về phát triển vật liệu xây dựng gạch xây không nung; điểm đặt biệt ở đây là Công

ty sử dụng nguyên liệu từ tro xỉ của Nhà máy nhiệt điện Phả Lại qua dây chuyền xử lý để sản xuất, góp phần xử lý chất thải do nhà máy nhiệt điện thải ra. Cũng năm 2012 Công ty khánh thành nhà máy sản xuất vữa khô 60.000 tấn/năm,

- Năm 2012, Công ty ký Hợp đồng EPC công nghệ với Công ty cổ phần Thạch Cao Đình Vũ về: “Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ, thiết kế chế tạo dây chuyền xử lý phosphogypsum (PG) của DAP Đình Vũ, làm phụ gia cho xi măng và làm nguyên liệu để sản xuất tấm thạch cao xây dựng”; và đề tài này đã được Công ty xây dựng thành Đề tài khoa học cấp Nhà nước được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt cấp kinh phí thực hiện; Theo đó ngày 6/6/2016 Công ty đã ký hợp đồng với Bộ Khoa học và Công nghệ và đang triển khai thực hiện Đề tài KH&CN cấp quốc gia thực hiện Đề tài trên, đến nay Công ty thực hiện hoàn thành gói thầu EPC Đình Vũ; Riêng Đề tài khoa học Công ty tiếp tục thực hiện hoàn thành trong năm 2018;

- Năm 2016 Công ty hoàn thiện việc phát hành thêm 3.000.000 cp, nâng vốn điều lệ của Công ty lên 138.899.730.000 đồng.

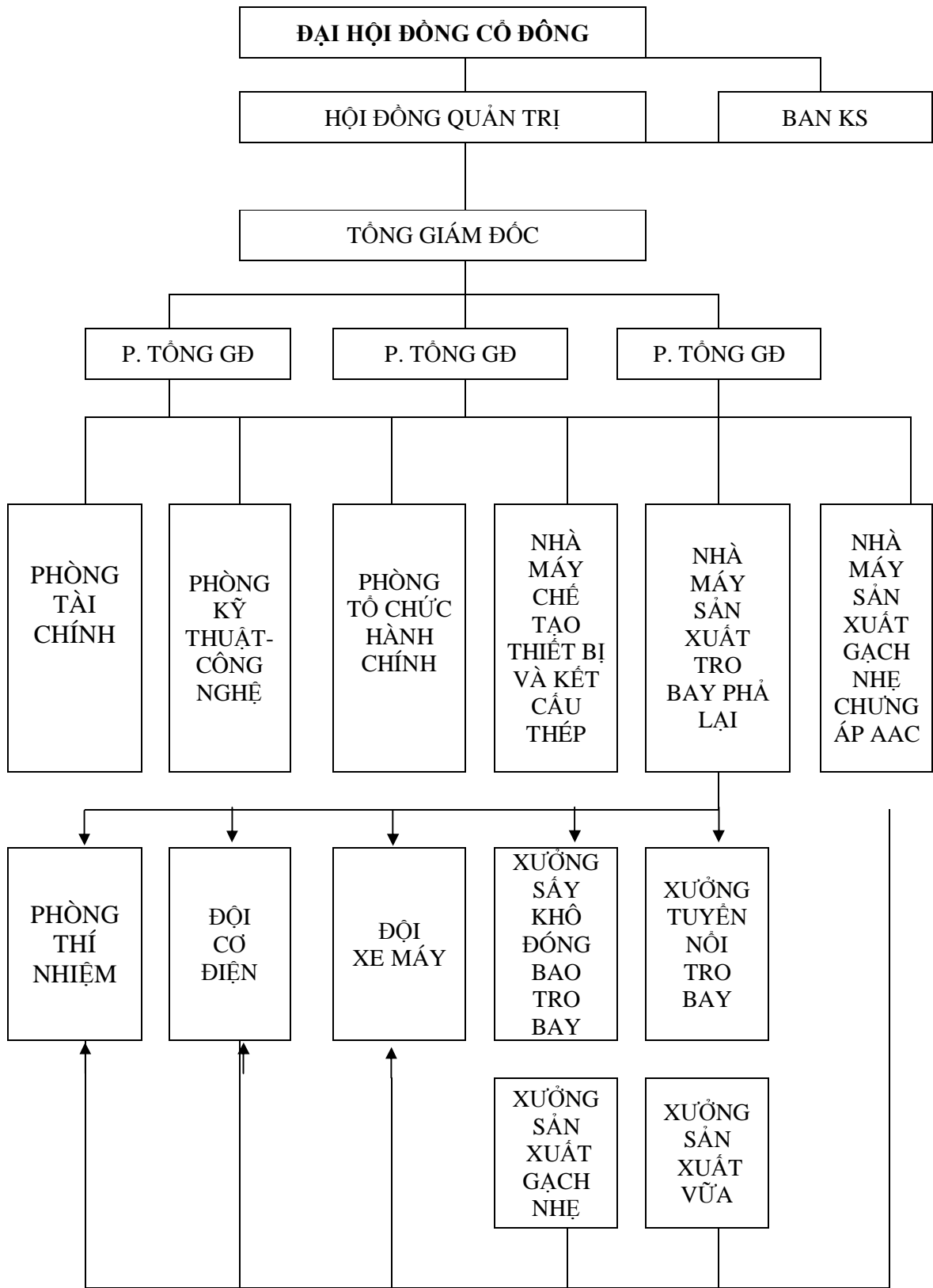
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty là: Sản xuất vật liệu xây dựng; gia công cơ khí; Khai thác, sản xuất, kinh doanh phụ gia dùng cho công tác bê tông và xi măng (tro bay Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại); Xây dựng công trình công nghiệp; Xuất nhập khẩu các mặt hàng mà công ty sản xuất và kinh doanh; Tư vấn, thiết kế, chế tạo, chuyên giao công nghệ các dây chuyền công nghệ về: Xử lý môi trường, sản xuất vật liệu xây dựng; Kinh doanh dịch vụ vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại. Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại; Cho thuê máy thiết bị phục vụ thi công các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi, ...;

- Công ty có mặt hàng chính là tro bay, gạch nhẹ chung áp AAC, vữa khô trộn sẵn, keo dán gạch đá, keo chít mạch, ...; Từ năm 2007 sản phẩm tro bay của Công ty đã được cấp cho Công trình thủy điện Sơn La, các năm tiếp theo sản phẩm tro bay tiếp tục được cấp cho các công trình thủy điện lớn trong cả nước như: Thủy điện Sơn La, Thủy điện Bản Chát, Thủy điện Sông Tranh, thủy điện Lai Châu, thủy Điện Trung Sơn, thủy điện Xekaman và Nậm Thon tại Lào, ...;

4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a) Mô hình quản trị, cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty:



b) Cơ cấu bộ máy quản lý:

- Ban tổng giám đốc:

+ Ông Vũ Văn Chiến

Tổng giám đốc

+ Ông Phạm Văn Thư

Phó Tổng giám đốc

- Các phòng chức năng: Phòng Tài chính kế toán, Phòng Tổ chức hành chính, Phòng Kỹ thuật- Công nghệ; phòng Kinh doanh; Nhà máy sản xuất tro bay, Nhà máy sản xuất gạch nhẹ, Nhà máy chế tạo thiết bị và kết cấu thép.

c) Các công ty con, công ty liên kết

- Công ty cổ phần Thạch Cao Đình Vũ - Công ty đầu tư dài hạn: Địa chỉ:Lô GI-7, Khu kinh tế Đình Vũ, phường Đông Hải 2, Q. Hải An, Tp Hải Phòng. Lĩnh vực sản xuất: sản xuất thạch cao từ bã thải của nhà máy sản xuất phân bón, ...; Vốn điều lệ thực góp: 11.000.000.000 đồng; Tỷ lệ sở hữu: 10%

- Quỹ tín dụng nhân dân Phả Lại: Vốn thực góp: 800.300.000 đồng

5. Định hướng phát triển:

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Đảm bảo tốc độ tăng trưởng nhanh, ổn định, bền vững, trở thành doanh nghiệp lớn đi đầu trong lĩnh vực sản xuất công nghệ và sản phẩm vật liệu xây dựng chất lượng cao từ các chất phế thải của ngành công nghiệp; không ngừng nâng cao uy tín, thương hiệu của Công ty, đạt lợi nhuận cao, bảo toàn và phát triển vốn của cổ đông góp vào Công ty, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua, đảm bảo giá trị của cổ phiếu, lợi tức của Cổ đông và thu nhập của người lao động.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tiếp tục đẩy mạnh sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực vật liệu xây dựng và phụ gia cho bê tông và xi măng, đảm bảo sự tăng trưởng và phát triển bền vững, mở rộng thị trường trong nước, thỏa mãn nhu cầu cao của khách hàng và xã hội về chất lượng, số lượng, giá cả, chủng loại, kích thước, kiểu dáng, mẫu mã của sản phẩm phù hợp với xu thế thời đại và thị hiếu của thị trường, tiếp tục xuất khẩu sang các nước trên thế giới, lấy sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng và các sản phẩm mới làm trọng tâm, đồng thời khai thác tốt các cơ hội để mang lại lợi nhuận cao, đảm bảo lợi ích các cổ đông, việc làm đời sống của người lao động và góp phần hỗ trợ cho sản xuất kinh doanh phát triển.

- Đẩy mạnh và tiếp tục mở rộng sản xuất sản phẩm và sản xuất thiết bị, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm tro bay, gạch nhẹ chung áp, vữa khô trộn sẵn, xử lý môi trường; phấn đấu trở thành công ty hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất tro bay và gạch nhẹ chung áp, vữa xây, và xây dựng các dự án sản xuất vật liệu không nung khác để đáp ứng được cho nhu cầu thị trường phù hợp chiến lược phát triển vật liệu của Chính phủ.

- Xây dựng và thực hiện dự án Nhà máy sản xuất cung cấp thiết bị và chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực sản xuất tro bay, sản xuất gạch nhẹ chung áp, vữa xây trộn sẵn, xử lý môi trường, kết cấu nhà xưởng ...;

- Tăng cường liên doanh hợp tác với các tổ chức, cá nhân, viện nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước để mở rộng quy mô đầu tư và kinh doanh cả về chiều sâu, chiều rộng trong các lĩnh vực có nhiều tiềm năng, đặc biệt là công nghệ và vật liệu xây dựng mới.

- Quan tâm việc tuyển dụng, thu hút nhân tài, tăng cường công tác đào tạo và đào tạo tại chỗ để nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn và tay nghề cho đội ngũ cán bộ công nhân viên, bố trí sắp xếp lại lao động một cách hợp lý.

5.3. Các rủi ro:

- Sản phẩm của Công ty phụ thuộc vào tiến độ thi công các công trình thủy điện, thủy lợi và tình hình phát triển xây dựng dân dụng. Nền kinh tế khó khăn, bất động sản trì trệ là một trong những khó khăn của Công ty. Chỉ đạo của Nhà nước về sử dụng vật liệu xây không nung chưa quyết liệt dẫn đến khó khăn trong tiêu thụ gạch nhẹ.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tổng doanh thu năm 2019 thực hiện 179,8 tỷ đồng, bằng 459 % so với năm trước, so với kế hoạch đạt 88%

- Lợi nhuận thực hiện trước thuế 0,8 tỷ đồng. không đạt so với kế hoạch

- Năm 2019, tình hình sản xuất của công ty không đạt kế hoạch đề ra.

2. Tổ chức và nhân sự

a) Ông Vũ Văn Chiến **Tổng giám đốc**

Họ tên: Vũ Văn Chiến

Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam

Sinh ngày: 16/9/1986

Hộ chiếu số: B8483355 cấp ngày 29/10/2013 tại Cục quản lý xuất nhập cảnh

Chuyên môn: Kỹ sư điện tự động hóa

Quê quán: Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương

Thường trú: Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương

b. Phó Tổng Giám đốc : Ông Phạm Văn Thư

Họ tên: Phạm Văn Thư

Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam

Sinh ngày: 04/7/1984

CMTND số: 142188670 cấp ngày 10/10/2011 tại Hải Dương

Chuyên môn chính: Kỹ sư kỹ thuật xây dựng, cử nhân quản trị kinh doanh

Quê quán: Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương

Thường trú: Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương

c. Kế toán trưởng: Ông Trần Văn Hoan:

Họ tên: Trần Văn Hoan

Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam

Sinh ngày: 08/10/1984

CMTND số: 142188945 cấp ngày 20/7/2015 tại Hải Dương

Chuyên môn: Cử nhân kế toán, chứng chỉ Kế toán trưởng

Quê quán: Cộng Hòa, Chí Linh, Hải Dương

Thường trú: Cộng Hòa, Chí Linh, Hải Dương

d) Thay đổi nhân sự trong ban điều hành trong năm:

- Ông Phạm Văn Thư giữ chức Phó Tổng Giám đốc Công ty từ ngày 07/01/2019

3. Quyền lợi của Ban Giám đốc:

Tiền lương, thưởng của Ban Giám đốc và các quyền lợi khác của Ban Giám đốc: Thực hiện nghiêm chỉnh theo quy định hiện hành của Đại hội đồng cổ đông và Công ty (Chủ tịch HĐQT 25 triệu đồng/tháng, Tổng Giám đốc 25 triệu đồng/tháng từ tháng 1 đến tháng 8, từ tháng 9 là 30 triệu đồng/tháng; Kế toán trưởng 15 triệu đồng/tháng từ tháng 01 đến tháng 8, từ tháng 9 là 22 triệu đồng/tháng);

4. Số lượng cán bộ công nhân viên tại 31/12/2019:

Tổng số 127; trong đó tiến sỹ 01, thạc sỹ 04; Đại học 20; cao đẳng 6; trung cấp 6; công nhân kỹ thuật 33; công nhân vận hành 57; nữ 26; nam 101.

5. Đầu tư, thực hiện các dự án, số dư hiện tại

- Công ty đã thực hiện đầu tư dài hạn vào Công ty CP Thạch Cao Đình Vũ là 11.000.000.000 đồng chiếm 10%.

- Đầu tư đã vào Quỹ tín dụng nhân dân Phả Lại: 800.300.000 đồng

6. Tình hình tài chính

6.1 Chỉ tiêu tổng hợp

DVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% Tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	215.071.974.874	257.755.892.353	119,5
Doanh thu thuần	39.133.851.162	175.251.712.075	448
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-4.632.536.335	1.092.521.796	
Lợi nhuận khác	- 9.472.037.340	-5.278.715.147	
Lợi nhuận trước thuế	- 14.104.574.142	-4.186.193.351	
Lợi nhuận sau thuế	- 14.104.574.142	-4.275.638.851	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

6.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
<ul style="list-style-type: none">• <i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i><ul style="list-style-type: none">+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0,88 0,66	0,86 0,72	98 109
<ul style="list-style-type: none">• <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i><ul style="list-style-type: none">+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,28 0,39	0,41 0,71	146 182
<ul style="list-style-type: none">• <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i><ul style="list-style-type: none">+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,81 13,58 0,18	4,8 14,1 0,67	266 103 372
<ul style="list-style-type: none">• <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i><ul style="list-style-type: none">+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần			

7. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần lưu hành: 13.889.973 cổ phần

- Số lượng cổ phần có quyền chuyển nhượng tự do: 13.889.973 cổ phần

b. Cơ cấu cổ đông:

- **Cổ đông là tổ chức:** Có 17 cổ đông nắm giữ 2.370.666 cổ phần chiếm 17% gồm Công ty cổ phần Sông Đà 12, thuộc Tập đoàn Sông Đà; Công ty cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Cao Cường; America LLC; ACADIAN FRONTIER MARKETS EQUITY FUND; Công ty cổ phần Dầu khí Đông Đô; ...;

- **Cổ đông là cá nhân gồm:** 375 cổ đông nắm giữ 11519307 cổ phần chiếm 83%

- **Cổ đông lớn:** Có 3 cổ đông nắm 4.333.897 cổ phần chiếm 31%, cổ đông nhỏ cổ đông nắm 9.556.076 CP chiếm 69%

- Cổ đông sáng lập:

Cổ phần dưới đây là số cổ phần sáng lập được đăng ký theo Giấy đăng ký kinh doanh:

TT	Tên Cổ đông, ngày sinh, dân tộc, quốc tịch	Trụ sở chính hoặc hộ khẩu thường trú	Loại cổ phần	Khi thành lập Công ty (17/4/2007)		Tại 01/3/2019		Số giấy CNĐKKD; CMTND, nơi cấp, ngày cấp
				Số CP (nghìn CP)	Tỷ lệ góp vốn/vốn ban đầu (%)	Số CP sáng lập (nghìn CP)	Tỷ lệ CP sáng lập/vốn hiện nay (%)	
1	Công ty cổ phần Sông Đà 12	Tầng 8, khối B tòa nhà Sông Đà, Đường Phạm Hùng, Mỹ Đình 1, Từ Liêm, Hà Nội	Phổ thông	600	20	363	2,61	GCNĐKKD số: 0100105140 Hà Nội cấp ngày 22/4/2005, cấp lại lần 14 ngày 23/5/2016
2	Công ty cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ Cao Cường	Km 28 + 500m, Quốc lộ 18, Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương	Phổ thông	900	30	1.832,06	13,19	GCNĐKKD số: 0800263713 Hải Dương cấp lại lần 10 ngày 04/4/2013
3	Nguyễn Hồng Quyền – Sinh ngày 01/9/1950; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam.	Số nhà 586, đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội	Phổ thông	150	5	240,79	1,73	CMTND số: 011230993 Hà Nội cấp ngày 08/12/2005

Cổ đông lớn:

TT	Tên Cổ đông, ngày sinh, dân tộc, quốc tịch	Trụ sở chính hoặc hộ khẩu thường trú	Số giấy CNĐKKD; CMTND, nơi cấp, ngày cấp	Tại 24/03/2014		Tại 31/12/2019	
				Số CP	Tỷ lệ góp vốn/vốn hiện nay (%)	Số CP	Tỷ lệ CP sáng lập/vốn hiện nay (%)

1	Công ty cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ Cao Cường	Km 28 + 500m, Quốc lộ 18, Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương	GCNĐKKD số: 0800263713 Hải Dương cấp lại lần 10 ngày 04/4/2013	1.330.000	14,78	1.832.006	13,19
2	Kiều Thị Nhung	Sao Đỏ, Chí Linh, Hải Dương	142031584; ngày 10/12/1998 tại HD			1168760	8,41
3	Kiều Văn Mát	Phả Lại – Chí Linh – Hải Dương	CMTND số: 141403007, Hải Dương cấp ngày 10/05/2007	863.800	9,60	1.333.131	9,6

Cổ đông nước ngoài: Cổ đông nước ngoài có 4 cổ đông sở hữu 160.722 CP, chiếm 1,15%; cổ đông trong nước nắm giữ 13.729.251 CP chiếm 98,85%

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Số TT	Nội dung/Các chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	TH/KH (%)
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	204,2	175,2	85
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Tỷ đồng	9	-4,1	
3	Chi phí thuế thu nhập hiện hành:	Tỷ đồng	0,9	0,089	
	Chi phí thuế thu nhập hiện hành trong hoạt động tài chính 25%	Tỷ đồng		0,089	
	Chi phí thuế thu nhập hiện hành trong SXKD chính	Tỷ đồng			
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	8,1	-4,27	
5	Nộp ngân sách	Tỷ đồng		0,887	
6	Thu nhập bình quân/người/ tháng	Triệu đồng		8,3	
7	Lãi cơ bản/cổ phiếu lưu hành bình quân năm 2017	Đồng/CP			
8	Tỷ lệ chia cổ tức/cổ phiếu	%			

2. Những tiên bộ Công ty đã đạt được

Năm 2019 thành công lớn nhất của Công ty là tìm lại được thị trường xuất khẩu sản phẩm tro bay, mở ra cơ hội cho các năm tiếp theo.

3. Báo cáo tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản 2019

- Tài sản tăng 42,6 tỷ đồng, so với năm 2018 tăng là 19,5%
- + Các khoản phải thu: 70,58 tỷ đồng tăng 60 % so với 2018
- + Hàng tồn kho: 14,7 tỷ đồng tăng 7% so với năm 2018
- + Tài sản cố định: 138,7 tỷ đồng giảm 6% so với năm 2018

b) Tình hình nợ phải trả:

Tính đến 31/12/2019, tình hình nợ phải trả của công ty như sau:

- Vay và nợ ngắn hạn: 107 tỷ đồng
- Phải trả người bán: 38,8 tỷ đồng
- Vay và nợ dài hạn: 0 tỷ đồng
- Phải trả khác: 20 tỷ đồng

Công ty có nợ xấu phải thu khó đòi 6 tỷ đồng

c) Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Hiện tại công ty đang tích cực tiêu thụ sản phẩm tro bay khô, cung cấp cho thị trường trong và ngoài nước

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty: Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm (lợi nhuận, tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm cuối năm 2019)

- Tổng doanh thu năm 2019 thực hiện 175 tỷ đồng, tăng 360 % so với năm trước
- Lợi nhuận thực hiện trước thuế lỗ 4,1 tỷ đồng, lỗ ít hơn 2018
- Nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty: 150,045 tỷ đồng, giảm 3% so với năm trước, trong đó:

- * Vốn góp của cổ đông : 138.899.730.000 đồng
- * Thặng dư vốn cổ phần: 4,8 tỉ đồng
- * Quỹ đầu tư phát triển: 10,7 tỉ đồng
- * Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: -4,4 tỉ đồng

- Các khoản nợ phải thu cuối kỳ: 70,5 tỷ đồng, tăng 46% so với năm trước.

- Các khoản nợ phải trả cuối kỳ: 107 tỷ đồng, tăng 43% so với năm trước.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc công ty

HĐQT đã giám sát thường xuyên hoạt động của Ban giám đốc công ty, HĐQT đánh giá Ban giám đốc Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp để hoạt động sản xuất của công ty được tốt hơn, đặc biệt về cơ cấu lại tổ chức và sản xuất, mở ra hướng phát triển mới cho Công ty.

3. Kế hoạch, định hướng của HĐQT: Phân tích, đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh năm 2019, tìm mọi biện pháp khắc phục trong năm 2020: Quản lý tốt sản xuất, tìm thị trường tiêu thụ sản phẩm, ...

V. Quản trị công ty

1. Danh sách Hội đồng quản trị:

1.1 Ông Kiều Văn Mát Giới tính: Nam Sinh ngày: 25-8-1969

- Nơi sinh: Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương

- Số CMND : 141403007 - Do Công an Hải Dương cấp ngày 10/5/2007

- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh

- Thường trú: Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương

- Chức vụ tại Công ty: Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:
- Cổ phần nắm giữ: 1.333.131 CP, chiếm 9,5% vốn điều lệ, trong đó:
 - + Đại diện cổ phần cho tổ chức khác: Không
 - + Cổ phần hiện hữu: 1.333.131 CP

1.2. Ông Kiều Văn Cường

Giới tính: Nam; Sinh ngày: 04/02/1979

Nơi sinh: Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương

CMTND số: 013318259 cấp ngày 26/02/2011 tại Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh;

Thường trú: Số 27, ngách 294/2, Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

Chức vụ tại công ty: Thành viên HĐQT

Chức vụ tại tổ chức khác:

Cổ phần nắm giữ: 1.835.878, chiếm 13,1% vốn điều lệ Công ty, trong đó:

+ Cổ phần đại diện: 1.832.006 cổ phần của Công ty Cổ phần Công nghiệp

Dịch vụ Cao Cường tại Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường.

+ Cổ phần hiện hữu: 3.872 CP

1.3. Ông Nguyễn Hồng Quyền

Giới tính: Nam; Sinh ngày: 01/09/1950

Nơi sinh: Hoàng Xuyên – Hoàng Hoá – Thanh Hoá

CMTND số: 011230993 cấp ngày 08/12/2005 tại Công an TP Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh;

Thường trú: 586 Đường Bưởi – Vĩnh Phúc – Ba Đình – Hà Nội

Chức vụ tại công ty: Thành viên HĐQT

Chức vụ tại tổ chức khác:

Cổ phần nắm giữ:., chiếm 1,4% vốn điều lệ Công ty, trong đó:

+ Cổ phần đại diện:

+ Cổ phần hiện hữu: 199.000CP

1.4. Ông Nguyễn Anh Dũng

Giới tính: Nam; Sinh ngày: 28/05/1975

Nơi sinh: Chí Linh, Hải Dương

CMTND số: 012931694 cấp ngày 02/02/2007 tại Công an Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh;

Thường trú: Số 17/126 Kim Hoa, Phương Liên, Đống Đa, Hà Nội

Chức vụ tại công ty: Thành viên HĐQT

Chức vụ tại tổ chức khác:

Cổ phần nắm giữ: 600.000 CP, chiếm 4,3% vốn điều lệ Công ty, trong đó:

+ Cổ phần đại diện:

+ Cổ phần hiện hữu: 600.000 CP

1.5. Ông Nguyễn Ánh Hồng:

Giới tính: Nam; Sinh ngày: 23/03/1978

Nơi sinh: Hải Dương

CMTND số: 141883068 do Công an Hải Dương cấp ngày 30/10/2006

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh;

Thường trú: Phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Chức vụ tại công ty: Thành viên HĐQT

Chức vụ tại tổ chức khác: Cán bộ ngân hàng VCB Chí Linh, Hải Dương

Cổ phần nắm giữ: 462.097 CP, chiếm 3,3% vốn điều lệ Công ty, trong đó:

+ Cổ phần đại diện:

+ Cổ phần hiện hữu: 462.097 CP

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ theo bảng phân công nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT và quy định của pháp luật. Định kỳ họp mỗi quý 01 lần, ngoài ra có những phiên họp bất thường theo yêu cầu của công tác chỉ đạo, quản lý Công ty. Để tăng cường hiệu quả trong công tác quản trị Công ty, mỗi thành viên được phân công chỉ đạo một mảng hoạt động: sản xuất, kỹ thuật, đầu tư, tài chính, thị trường ... hàng quý tại phiên họp thường kỳ có báo cáo đánh giá công tác quản trị đã được phân công. Các thành viên được thanh toán các chi phí đi lại tham dự các phiên họp.

Các nghị quyết của Hội đồng quản trị được xây dựng trên nguyên tắc tập thể đảm bảo tính khách quan và tập trung trí tuệ của các thành viên Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị đã thực hiện các chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều lệ công ty và quy chế hoạt động HĐQT.

Thực hiện tốt việc sửa đổi bổ xung hoàn thiện và ban hành các quy chế, quy định cũ đã ban hành theo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị.

Về hoạt động của thành viên HĐQT độc lập: Đã tích cực tham gia kiểm soát, phản biện, xây dựng nghị quyết HĐQT và hỗ trợ ban điều hành:

- Hoạt động của thành viên HĐQT không điều hành: Đã tích cực tham gia kiểm soát, phản biện, xây dựng nghị quyết HĐQT và hỗ trợ ban điều hành

- Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Công ty chưa có các tiểu ban giúp việc HĐQT.

- Các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

- Các thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Tất cả các thành viên HĐQT công ty đều đã tham gia các lớp học bồi dưỡng về quản trị công ty.

3. Ban kiểm soát:

Cơ cấu như sau : 01 Trưởng Ban kiểm soát và 02 thành viên. Hiện nay không có thành viên nào là người lao động tại Công ty.

3.1. Ông Đào Xuân Quỳnh

Giới tính: Nam; Sinh ngày: 14/02/1982

Nơi sinh: Chí Linh, Hải Dương

CMTND số: 142031333 cấp ngày 12/08/2013 tại Công an Hải Dương

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh;

Thường trú: Phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Chức vụ tại công ty: Trưởng ban KS

Chức vụ tại tổ chức khác: Trưởng phòng Tổng hợp Công ty Cổ phần Thạch cao Đình Vũ

Cổ phần nắm giữ: 1520 CP, chiếm 0,1% vốn điều lệ Công ty, trong đó:

- + Cổ phần đại diện:

- + Cổ phần hiện hữu: 1520 CP

3.2. Bà Nguyễn Thị Thu Hoài:

Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 16/10/1982

Nơi sinh: Nhật Tân, Tiên Lữ, Hưng Yên

CMTND số: 145079125 cấp ngày 17/4/1999 tại Hưng Yên

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh;

Thường trú: Phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Chức vụ tại công ty: TV ban KS

Chức vụ tại tổ chức khác: Nhân viên Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Cao Cường

Cổ phần nắm giữ: 0 CP, trong đó:

+ Cổ phần đại diện:

+ Cổ phần hiện hữu: 0 CP

3.3. Bà Bùi Thị Vẽ:

Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 23/12/1975

Nơi sinh: Phả Lại – Chí Linh - Hải Dương

CMTND số: 141718431 - Do Công an : Hải Dương cấp ngày 28/08/2010

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh;

Thường trú: Phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Chức vụ tại công ty: TV ban KS

Chức vụ tại tổ chức khác: Nhân viên Quỹ tín dụng ND Phả Lại

Cổ phần nắm giữ: 0 CP, trong đó:

+ Cổ phần đại diện:

+ Cổ phần hiện hữu: 0 CP

Cổ phần hiện hữu tại Công ty: 0 CP

3.4. Hoạt động của Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ theo bảng phân công nhiệm vụ của Trưởng ban kiểm soát và quy định của pháp luật. Định kỳ 06 tháng họp 01 lần, ngoài ra có những phiên họp bất thường theo yêu cầu của công tác kiểm soát các hoạt động của Công ty khi có sự kiến nghị của cổ đông hoặc những hoạt động có dấu hiệu không bình thường. Để tăng cường hiệu quả trong công tác kiểm soát Công ty thì hàng quý tại phiên họp thường kỳ của HĐQT có báo cáo đánh giá công tác kiểm soát của Ban kiểm soát.

4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: ĐVT: đồng

Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương/tháng	Thù lao HĐQT/tháng
Kiều Văn Mát	Chủ tịch HĐQT chuyên trách		30.000.000
Nguyễn Anh Dũng	Thành viên HĐQT		3.000.000
Nguyễn Hồng Quyền	Thành viên HĐQT,		3.000.000
Kiều Văn Cường (8 tháng cuối năm)	Thành viên HĐQT,		3.000.000
Nguyễn Ánh Hồng	Thành viên HĐQT		3.000.000

Đào Xuân Quỳnh	Trưởng BKS		3.000.000
Nguyễn Thị Thu Hoài	Thành viên BKS		2.000.000
Bùi Thị Vẻ	Thành viên BKS		2.000.000
Vũ Văn Chiến	Tổng Giám đốc	30.000.000	
Phạm Văn Thu	Phó Tổng Giám đốc	25.000.000	

b) Giao dịch của cổ đông nội bộ:

TT	Họ tên	Quan hệ	Cổ phần	Tại 31/12/2019	
				CP nắm giữ	Tỷ lệ
1	Kiều Văn Mát	HĐQT	Cá nhân	1.333.131	9,60
	Kiều Văn Phú	NCLQ	Cá nhân	16093	0,11
	Kiều Văn Cao	NCLQ	Cá nhân	16.456	0,12
	Vũ Thị Thanh Huyền	NCLQ	Cá nhân	60.500	0,44
	Kiều Quang Vọng	NCLQ	Cá nhân	38.720	0,28
	Kiều Thị Dung	NCLQ	Cá nhân	4032	0,03
2	Kiều Văn Cường	HĐQT	Cá nhân	3872	0,027
			Đại diện	1.832.006	13,19
	Kiều Thị Nhung	NCLQ	Cá nhân	1.168.760	8,41
3	Nguyễn Anh Dũng	HĐQT	Cá nhân	600.000	4,32
4	Nguyễn Hồng Quyền	HĐQT	Cá nhân	240.790	1,73
5	Nguyễn Ánh Hồng	HĐQT	Cá nhân	462.097	3,3
6	Đào Xuân Quỳnh	BKS	Cá nhân	1520	0,01
7	Đào Xuân Cường	NCLQ	Cá nhân	2420	0,017
8	Phạm Thị Thu Thái	NCLQ	Cá nhân	9801	0,07

c. Các hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết với Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: Có một số hợp đồng giá trị nhỏ với người có liên quan, các thủ tục được thực hiện tuân thủ theo Điều lệ Công ty và Luật pháp hiện hành.

VI. Báo cáo tài chính (đính kèm dưới đây)./.

Báo cáo thường niên 2019 có đính kèm file Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán đăng tại: <http://www.songdacaocuong.vn>

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước;
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Đăng Website;
- Lưu.

TỔNG GIÁM ĐỐC



**TỔNG GIÁM ĐỐC
VŨ VĂN CHIẾN**



Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam
Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình
P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588
Fax: (+84 24) 3868 6248
Web: kiemtoanava.com.vn

Số: 209/BCKT/TC/NV5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường được lập ngày 02/03/2020 từ trang 07 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



NGÔ QUANG TIẾN

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0448-2018-126-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

A blue handwritten signature of Đỗ Thị Duyên.

Đỗ Thị Duyên

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 3642-2016-126-1

274
T
H
D
A
N
H
P
A
1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		92.760.514.937	53.312.372.911
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	4.217.590.450	1.267.325.829
1. Tiền	111		4.217.590.450	1.267.325.829
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		70.584.579.599	38.188.622.759
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	57.360.254.293	27.644.466.828
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	803.807.648	407.500.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	18.476.874.023	16.197.484.486
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(6.056.356.365)	(6.060.828.555)
IV. Hàng tồn kho	140	V.05	14.702.591.805	13.581.135.861
1. Hàng tồn kho	141		14.702.591.805	13.581.135.861
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.255.753.083	275.288.462
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06	439.481.854	157.382.897
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.810.947.297	117.905.565
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	5.323.932	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		164.995.377.416	161.759.601.963
II. Tài sản cố định	220		138.728.455.660	148.350.574.936
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	127.835.388.376	137.113.060.972
- Nguyên giá	222		222.853.885.226	227.832.606.772
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(95.018.496.850)	(90.719.545.800)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	10.893.067.284	11.237.513.964
- Nguyên giá	228		15.650.050.399	15.650.050.399
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(4.756.983.115)	(4.412.536.435)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		12.682.940.297	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.09	12.682.940.297	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		11.800.300.000	11.800.300.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.10	11.800.300.000	11.800.300.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.783.681.459	1.608.727.027
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	1.783.681.459	1.608.727.027
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		257.755.892.353	215.071.974.874

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2019	01/01/2019
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		107.710.482.901	60.589.442.773
I. Nợ ngắn hạn	310		107.710.482.901	60.589.442.773
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	38.812.128.658	10.293.138.204
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	23.108.455	32.101.618
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	89.445.500	212.610.970
4. Phải trả người lao động	314		978.117.948	549.692.416
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	71.195.616	48.718.479
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	20.076.434.952	16.394.363.797
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	46.404.285.657	30.649.098.174
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.255.766.115	2.409.719.115
II. Nợ dài hạn	330			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		150.045.409.452	154.482.532.101
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	150.045.409.452	154.482.532.101
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		138.899.730.000	138.899.730.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.804.928.341	4.804.928.341
3. Cổ phiếu ngân quỹ	415		-	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.777.873.760	30.238.558.366
5. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
7. Lợi nhuận chưa phân phối	421		(4.437.122.649)	(19.460.684.606)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		257.755.892.353	215.071.974.874

Hải Dương, ngày 02 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

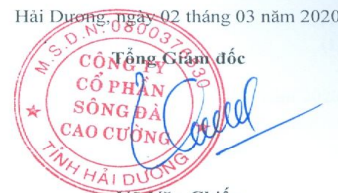
Đỗ Thị Ngọc Hồi

Kế toán trưởng

Trần Văn Hoan

Tổng Giám đốc

Vũ Văn Chiến



BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2019

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	175.251.712.075	39.133.851.162
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		175.251.712.075	39.133.851.162
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	68.815.599.078	31.165.715.210
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		106.436.112.997	7.968.135.952
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	131.773.079	64.039.811
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.024.012.157	2.762.582.274
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.932.096.540	2.746.563.397
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	95.739.308.048	4.914.975.522
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	6.712.044.075	4.987.154.302
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.092.521.796	(4.632.536.335)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	59.200.012	110.528.533
12. Chi phí khác	32	VI.8	5.337.915.159	9.582.566.340
13. Lợi nhuận khác	40		(5.278.715.147)	(9.472.037.807)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(4.186.193.351)	(14.104.574.142)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	89.445.500	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(4.275.638.851)	(14.104.574.142)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.17.5	(308)	(1.015)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	V.17.5	(308)	(1.015)

Hải Dương, ngày 02 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu



Đỗ Thị Ngọc Hồi

Kế toán trưởng



Trần Văn Hoan



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Địa chỉ: Km28+100m, quốc lộ 18, phường Phả Lại, TP Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Theo phương pháp gián tiếp
Năm 2019

Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị tính: đồng	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(4.186.193.351)	(14.104.574.142)
2. Điều chỉnh cho các khoản		15.212.504.829	16.141.948.395
+ Khấu hao tài sản cố định	02	12.336.664.730	12.776.346.390
+ Các khoản dự phòng	03	(4.472.190)	574.973.373
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	14.555.137	11.549.743
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư, hoạt động khác	05	(66.339.388)	32.515.492
+ Chi phí lãi vay	06	2.932.096.540	2.746.563.397
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	11.026.311.478	2.037.374.253
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(35.089.850.314)	7.560.693.034
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(1.121.455.944)	7.261.093.967
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	28.946.184.012	(5.845.420.128)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(457.053.389)	233.569.135
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.909.619.403)	(2.697.844.918)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(161.483.798)	(15.800.817)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.163.953.000)	(816.240.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(930.920.358)	7.717.424.526
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	20		
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(11.941.265.221)	(1.407.000.000)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(70.300.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	66.339.388	63.770.877
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(11.874.925.833)	(1.413.529.123)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	105.466.167.594	38.907.272.355
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(89.710.980.111)	(53.166.836.087)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(85.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	15.755.187.483	(14.344.563.732)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	2.949.341.292	(8.040.668.329)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.267.325.829	9.307.924.547
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	923.329	69.611
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4.217.590.450	1.267.325.829

Người lập biểu

Đỗ Thị Ngọc Hồi

Kế toán trưởng

Trần Văn Hoan

Hải Dương, ngày 02 tháng 03 năm 2020



Vũ Văn Chiến